



shōu chéng

收成

noun · harvest, crop yield

Example Sentences

jīn nián de shōu chéng hěn hǎo

今年的收成很好。

This year's harvest is very good.

nóng mín men dān xīn gān hàn huì yǐng xiǎng shōu chéng

农民们担心干旱会影响收成。

The farmers worry that drought will affect the harvest.

Trace each character, then write the word on your own.

收成收成收成收成收成收成收成

成成成成成成成成成成